

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 13/2018/QĐST - HNGĐ

Hải Châu, ngày 12 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số 388/2017/TLST - HNGĐ ngày 11/12/2017 giữa người yêu cầu:

Bà **Trần Thị Hạnh N** – Sinh năm: 1990 - Địa chỉ: Số k41/h08 đường Đặng Thuỳ T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Ông **Võ Đình T** – Sinh năm: 1984 - Địa chỉ: Số k259 đường Nguyễn Văn L, tổ 108 , phường T, quận T , thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/01/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/01/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà **Trần Thị Hạnh N**

Ông **Võ Đình T**

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Hạnh N và ông Võ Đình T thống nhất thoả thuận thuận tình ly hôn.

*** Về quan hệ con chung:** Công nhận việc thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa bà Trần Thị Hạnh N và ông Võ Đình T như sau: Giao con chung tên Võ Đình Nhật H – Sinh ngày: 21/05/2016 cho bà Trần Thị Hạnh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Ông Võ Đình T cấp dưỡng phí tổn nuôi con là 4.000.000đ/tháng (Bốn triệu đồng trên tháng) thời gian cấp dưỡng kể từ T2/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

*** Về quan hệ tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về quan hệ nê chung:** Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về lệ phí sơ thẩm:** Lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng bà Trần Thị Hạnh N Và ông Võ Đình T cùng chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 1083 ngày 08/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3/ Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND q.Hải Châu;
- UBND phường H;
- Quận H, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Ba